

Số: /QĐ-UBND

Phù Mỹ, ngày tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng
xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ đến năm 2035**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng năm 2014;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch xây dựng ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTN ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 25/2019/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh Ban hành Quy định về lập, thẩm định, phê duyệt, quản lý thực hiện quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 35/2020/QĐUBND ngày 15/6/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết

định số 25/2019/QĐUBND ngày 27/6/2019 của UBND tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022 của UBND tỉnh Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1536/QĐ-UBND ngày 07/5/2023 của UBND tỉnh về việc phê duyệt đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 1720/QĐ-UBND ngày 28/02/2023 của UBND huyện Phù Mỹ về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ đến năm 2035;

Theo đề nghị của UBND xã Mỹ Tài tại Tờ trình số 33/TTr-UBND ngày 13/6/2023 và đề nghị của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện tại Tờ trình số 102/TTr-KTHT ngày 29/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Tài, với các nội dung chính, như sau:

1. Tên đồ án: Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ đến năm 2035.

2. Vị trí, phạm vi ranh giới và quy mô lập quy hoạch:

a) Vị trí, phạm vi ranh giới lập quy hoạch: Bao gồm toàn bộ địa giới hành chính của xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ; có giới cận cụ thể như sau:

- + Phía Nam giáp : xã Cát Tài, huyện Phù Cát.
- + Phía Bắc giáp : xã Mỹ Chánh Tây và xã Mỹ Quang.
- + Phía Đông giáp : xã Mỹ Cát.
- + Phía Tây giáp : xã Mỹ Hiệp.

b) Quy mô lập quy hoạch:

- Tổng diện tích lập quy hoạch khoảng 2.812,06 ha.
- Quy mô dân số hiện trạng năm 2022 khoảng 8.223 người; dự báo đến năm 2030 khoảng 8.400 người và năm 2035 khoảng 8.500 người.

3. Tính chất, mục tiêu quy hoạch:

- Cụ thể hoá Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt; xã Mỹ Tài thuộc phân vùng II theo phân vùng phát triển của đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035; là vùng phát triển đô thị, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch trải nghiệm và công nghiệp phụ trợ.

- Tổ chức không gian tổng thể các khu chức năng, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội, kết nối đồng bộ với thị trấn Phù Mỹ và đô thị Mỹ Hiệp (hình thành sau năm 2030); rà soát, bổ sung các chỉ tiêu theo quy định của Bộ tiêu chí xã Nông thôn

mới giai đoạn 2021-2025 được UBND tỉnh ban hành tại Quyết định số 2224/QĐ-UBND ngày 16/7/2022, phù hợp với tiềm năng, động lực phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Xác lập quỹ đất ở, thương mại, dịch vụ; quỹ đất xây dựng công trình công cộng và các quỹ đất xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo hiệu quả sử dụng đất gắn kết giữa hoạt động sản xuất với bảo vệ môi trường.

- Làm cơ sở để quản lý quy hoạch, triển khai các đồ án quy hoạch chi tiết, thực hiện các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch được duyệt.

4. Các động lực phát triển chính:

- Phát huy các lợi thế về vị trí: Là xã nằm trong hành lang đô thị, công nghiệp, có nhiều tuyến giao thông kết nối đi qua, có điều kiện mở rộng không gian về hướng Bắc và hướng Tây, thuộc khu vực phát triển đô thị, thương mại và dịch vụ lan tỏa về phía Nam của đô thị Mỹ Chánh và phía Đông của đô thị Mỹ Hiệp (hình thành sau năm 2030). Định hướng cơ cấu kinh tế chuyển dịch từ sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp gắn kết với phát triển thương mại - dịch vụ, du lịch sinh thái, trải nghiệm.

+ Giai đoạn 2023-2030: Nông nghiệp và lâm nghiệp chiếm vai trò chủ đạo, từng bước dịch chuyển cơ cấu sang công nghiệp và thương mại - dịch vụ.

+ Giai đoạn 2030-2035: Xác định công nghiệp là ngành kinh tế chủ đạo của xã; ưu tiên phát triển công nghiệp ứng dụng công nghệ cao, công nghiệp chế biến, phát triển đô thị, thương mại - dịch vụ và du lịch sinh thái, trải nghiệm.

5. Quy hoạch phát triển không gian:

5.1. Quy hoạch khu dân cư:

Khu trung tâm xã và các khu dân cư nông thôn bao gồm các khu dân cư hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang và quy hoạch khu dân cư mới tập trung ở các thôn: Vĩnh Phú 3, Vĩnh Phú 7, Mỹ Hội 3, Mỹ Hội 1 và Vạn Ninh 1. Quy hoạch bổ sung quỹ đất để phát triển nhà ở dân cư kết hợp cải tạo, chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội thiết yếu tại các thôn để phục vụ đời sống nhân dân. Tổng quy mô diện tích các khu vực khoảng 253,1 ha, bao gồm:

- Khu dân cư trung tâm xã Mỹ Tài: Bao gồm khu vực trung tâm xã hiện hữu, cải tạo và quy hoạch mở rộng về các hướng thuộc thôn Vĩnh Phú 3 và Vĩnh Phú 7; là khu trung tâm hành chính công cộng, tập trung các công trình: Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã và các công trình dịch vụ xã hội, diện tích khoảng 82 ha.

- Khu dân cư chợ Đổ: Khu quy hoạch dân cư mới được đầu tư xây dựng hoàn chỉnh, đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và phù hợp với tình hình phát triển kinh tế, xã hội hiện nay thôn Vĩnh Phú 3; xác định quỹ đất phát triển thương mại, dịch vụ dọc tuyến đường Nhà Đá - An Lương làm động lực phát triển kinh tế cho xã, diện tích khoảng 60,3 ha.

- Khu dân cư dọc tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát: Khu dân cư hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang và bổ sung quỹ đất mới

thôn Mỹ Hội 1; xác định quỹ đất phát triển thương mại, dịch vụ dọc tuyến dọc tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát, tạo tạo sức hút để tăng mật độ dân cư, diện tích khoảng 44,1 ha.

- Khu dân cư Dẹo Hòn Than: Khu dân cư hiện hữu, cải tạo, chỉnh trang và và bổ sung quỹ đất mới thôn Vạn Ninh 2; xác định quỹ đất phát triển thương mại, dịch vụ dọc tuyến đường Nhà Đá - An Lương và tuyến đường từ Dẹo Hòn Than thôn Vạn Ninh 2 kết nối ĐT.633 xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tạo sức hút để tăng mật độ dân cư, diện tích khoảng 20,9 ha.

- Khu dân cư chợ Ninh Thái: Bao gồm khu vực phát triển dựa trên dân cư hiện hữu và bổ sung quỹ đất mới phía Đông Nam chợ Ninh Thái thôn Vạn Ninh 1, diện tích khoảng 30,8 ha.

Ngoài ra, các cụm dân cư hiện hữu nhỏ lẻ, phân bố rải rác trong các khu đất nông nghiệp và đất khác, quy mô diện tích khoảng 15,0 ha.

5.2. Quy hoạch các khu vực phát triển:

a) Khu vực sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

Khu vực cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Cập nhật quy hoạch Nhà máy may Mỹ Tài, thôn Vạn Ninh, diện tích khoảng 0,5 ha (được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 3801/QĐ-UBND ngày 02/6/2020); cơ sở may mặc Kiên Phú, thôn Kiên Phú, diện tích khoảng 0,3 ha.

b) Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn:

Bố trí các khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn là khu vực đầu mối giao thông chính của xã, kết nối vận chuyển hàng hóa an toàn, thuận lợi, đảm bảo khoảng cách vệ sinh môi trường cho khu dân cư theo quy định. Cụ thể:

- Quy hoạch 02 khu bảo quản nông sản tại thôn Vạn Ninh 1, diện tích khoảng 2,0 ha và thôn Mỹ Hội 2, diện tích khoảng 2,0 ha.

- Quy hoạch khu vận chuyển nông sản tại thôn Vạn Ninh 1, diện tích khoảng 0,65 ha.

c) Khu vực phát triển nông, lâm nghiệp:

- Khu vực phát triển nông nghiệp: Tập trung phân bố đều ở các thôn trong xã, đan xen khu ở, quy mô diện tích khoảng 1.396,6 ha. Cụ thể:

+ Khu vực chuyên trồng lúa: Tập trung khu vực phía Nam xã thôn Vĩnh Phú 7, diện tích khoảng 575 ha.

+ Khu vực trồng cây hàng năm khác: Phân bố rải rác tại các thôn, diện tích khoảng 1.226 ha.

+ Khu vực trồng sen: Bố trí dọc tuyến đường Nhà Đá - An Lương thôn Vĩnh Phú 7, diện tích khoảng 3,4 ha, kết hợp khu vực thương mại - dịch vụ khai thác từ cây sen phía Nam thôn Vĩnh Phú 3, diện tích khoảng 0,35 ha.

+ Khu vực chăn nuôi tập trung: Quy hoạch 01 khu vực phát triển chăn nuôi phía Tây thôn Vạn Thái, diện tích khoảng 10,2 ha.

- Khu vực phát triển lâm nghiệp: Tập trung núi Chùa, núi Bằng Đầu, núi Mun và núi Giàu phía Tây xã và núi Dài phía Đông xã, diện tích khoảng 233 ha.

d) Khu vực khai thác vật liệu: Quy hoạch khu khai thác, sản xuất vật liệu xây dựng thông thường (đất san lấp) thuộc thôn Vạn Ninh 1 và thôn Mỹ Hội 3, diện tích khoảng 13,9 ha.

6. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng cơ cấu sử dụng đất

TT	Loại đất	Hiện trạng		Quy hoạch đến năm 2030		Quy hoạch đến năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất nông nghiệp	2.226,50	79,17	2.187,95	7,80	2.181,68	77,58
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	1.983,27	70,52	1.944,63	69,15	1.938,36	68,93
1.2	Đất lâm nghiệp	238,07	8,47	233,07	8,29	233,07	8,29
1.3	Đất nông nghiệp khác	5,16	0,18	10,25	0,36	10,25	0,36
2	Đất xây dựng	415,40	14,77	505,23	17,97	511,49	18,19
2.1	Đất ở	85,02	3,02	135,12	4,80	173,09	6,15
	Đất ở hiện trạng chính trang	85,02		85,02		85,03	
	Đất ở quy hoạch mới			50,09		88,06	
2.2	Đất công cộng, dịch vụ	5,77	0,21	6,31	0,22	6,31	0,22
2.3	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	0,88	0,03	1,27	0,05	3,22	0,11
2.4	Đất tôn giáo, danh lam thắng cảnh, di tích, đình đền	3,44	0,12	3,47	0,12	3,47	0,12
2.5	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề	3,14	0,11	0,79	0,03	0,79	0,03
2.6	Đất khoáng sản và sản xuất vật liệu xây dựng	28,32		13,91	0,49	13,91	
2.7	Đất xây dựng các chức năng khác	1,98	0,07	6,61	0,24	7,36	0,26
2.8	Đất hạ tầng kỹ thuật	276,74	6,04	341,28	12,14	306,87	10,91
	Đất giao thông	169,93	6,04	232,92	8,28	252,92	
	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	68,59		68,59		14,18	
	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	0,04		1,59		1,59	
	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	38,17		38,17		38,17	
2.9	Đất quốc phòng, an ninh	10,08		10,37	0,37	10,37	0,37
	Đất Quốc phòng	10,00		10,27		10,27	
	Đất An ninh	0,08		0,10		0,10	
3	Đất khác	170,30	6,06	119,03	4,23	119,03	4,23

TT	Loại đất	Hiện trạng		Quy hoạch đến năm 2030		Quy hoạch đến năm 2035	
		Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
3.1	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối và mặt nước chuyên dùng	102,83		102,83	3,66	102,83	
3.2	Đất chưa sử dụng	67,46		16,19	0,58	16,19	
Tổng diện tích		2.812,20	100	2.812,20	100	2.812,20	100

6.1. Các chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất:

- + Đất xây dựng công trình nhà ở: 71,38 m²/người.
- + Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ: 7,42 m²/người.
- + Đất giao thông và hạ tầng kỹ thuật: 316,64 m²/người.
- + Đất cây xanh công cộng tại các điểm dân cư: 3,79 m²/người.

6.2. Các chỉ tiêu quy hoạch - kiến trúc: Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng (QCVN 01:2021/BXD) ban hành theo Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng; Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc và các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành liên quan về quy hoạch xây dựng.

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật:

7.1. Quy hoạch san nền, thoát nước mặt:

- Cao độ nền xây dựng bám sát địa hình tự nhiên, lựa chọn với tần suất lũ tối đa 10%; hướng dốc san nền chính của khu vực quy hoạch thấp dần về phía Nam - Đông Nam; giải pháp cốt nền quy hoạch chi tiết phải đảm bảo thoát nước mưa nhanh, xói mòn và ngập úng.

- Giải pháp thoát nước mặt chung phù hợp với địa hình tự nhiên thoát ra các hệ thống suối Bàu Đá, suối Bàu Hùng và thoát ra sông La Tinh.

7.2. Giao thông:

- Giao thông đối ngoại: Cập nhật các tuyến đường theo định hướng quy hoạch xây dựng vùng huyện Phù Mỹ: Tuyến đường liên huyện từ thị trấn Phù Mỹ đi xã Cát Minh, huyện Phù Cát dài khoảng 2,0 km theo tiêu chuẩn đường cấp IV, định hướng tối thiểu cấp IV đồng bằng giai đoạn 2025-2035, lộ giới 32m; tuyến đường Nhà Đá - An Lương dài khoảng 6,4km, tuyến đường từ Dẹo Hòn Than thôn Vạn Ninh 2 kết nối ĐT.633 xã Cát Tài, huyện Phù Cát, dài khoảng 3,4 km, lộ giới 30 m.

- Giao thông đối nội: Các tuyến giao thông trung tâm xã, liên xã, lộ giới từ 18 m đến 30 m; các tuyến đường liên thôn được quy hoạch mới và cải tạo nâng cấp, lộ giới từ 7 m đến 10 m; đường ngõ xóm, nội đồng tối thiểu đạt B.

7.3. Cấp nước:

- Tổng nhu cầu sử dụng nước đến năm 2035 khoảng 960 m³/ngày.đêm.
- Nguồn cấp nước: Nhà máy nước Mỹ Tài được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 989/QĐ-UBND ngày 16/3/2017, công suất 1.600 m³/ngày.đêm, nguồn nước thô từ nước ngầm.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy được quy hoạch thiết kế đảm bảo các quy định về PCCC.

7.4. Cấp điện:

- Tổng nhu cầu công suất điện toàn khu: Đến năm 2030 khoảng 11.600 KW và đến năm 2035 khoảng 12.200 KW.
- Nguồn cấp điện: Từ trạm biến áp 110/22kV Phù Mỹ 25+40MVA. Giai đoạn 2026 - 2030 nâng công suất trạm biến áp Phù Mỹ 110/22KV lên 2x40MVA theo quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Bình Định.

7.5. Thông tin liên lạc:

- Căn cứ vào Quy hoạch phát triển viễn thông và internet Việt Nam.
- Tổng nhu cầu thuê bao dự kiến đến năm 2035 là 6.800 thuê bao.

7.6. Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Thoát nước thải:

+ Nguyên tắc chung: Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên, trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên.

+ Tổng lượng nước thải đến năm 2035 khoảng 545 m³/ngày.đêm.

- Chất thải rắn:

+ Tổng lượng rác thải đến năm 2035 khoảng 7,8 tấn/ngày.

+ Tiếp tục xây dựng hệ thống thu gom rác thải theo Chương trình “Phân loại rác tại nguồn”. Giai đoạn trước mắt, rác thải được thu gom và đưa về khu xử lý rác thải chung của huyện, về lâu dài ưu tiên sử dụng công nghệ xử lý rác thải thân thiện với môi trường.

- Nghĩa trang:

+ Giai đoạn ngắn hạn: Sử dụng nghĩa trang tập trung tại núi Mun phía Tây xã, thôn Vĩnh Phú 3 theo quy hoạch nông thôn mới xã. Tăng cường công tác tuyên truyền, từng bước đóng cửa các nghĩa địa hiện trạng nằm xen kẽ trong các khu ở; đồng thời vận động, khuyến khích người dân sử dụng dịch vụ hỏa táng

+ Giai đoạn dài hạn: Sử dụng nghĩa trang cấp huyện tại khu vực phía Nam huyện Phù Mỹ (tại xã Mỹ Hiệp, quy mô khoảng 15 ha) theo Quy hoạch vùng huyện Phù Mỹ đến năm 2035 được UBND tỉnh phê duyệt; xây dựng kế hoạch

đóng cửa tất cả nghĩa trang trong khu vực và chuyển đổi thành đất cây xanh.

8. Đánh giá môi trường chiến lược: Kèm theo thuyết minh đồ án.

9. Danh mục các dự án ưu tiên đầu tư: Kèm theo hồ sơ đồ án quy hoạch.

10. Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chung xây dựng xã: Kèm theo hồ sơ quy hoạch.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Giao UBND xã Mỹ Tài phối hợp các đơn vị liên quan tổ chức công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt, đưa mốc giới quy hoạch ra thực địa; gửi hồ sơ quy hoạch được phê duyệt cho Sở Xây dựng, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện và các đơn vị có liên quan để lưu trữ, quản lý quy hoạch theo quy định.

- UBND xã Mỹ Tài tổ chức triển khai kế hoạch chi tiết và tổ chức thực hiện các dự án theo thứ tự ưu tiên, mời gọi đầu tư theo phân kỳ, đảm bảo mục tiêu đã được xác định. Định kỳ 05 năm tổ chức rà soát, đề xuất điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; mọi thay đổi, điều chỉnh nội dung quy hoạch phải thông qua Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện kiểm tra, báo cáo UBND huyện xem xét, quyết định.

- Giao các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài chính - Kế hoạch, Tài nguyên và Môi trường huyện và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ của mình, chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện đồ án này theo đúng quy định của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng các Phòng: Kinh tế và Hạ tầng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính - Kế hoạch, Văn hoá và Thông tin, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện; Chủ tịch UBND xã Mỹ Tài và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. Huyện uỷ (báo cáo);
- TT. HĐND huyện (báo cáo);
- Sở Xây dựng (báo cáo);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, KTHT, LMH.

CHỦ TỊCH

Lê Văn Lịch